TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/DS-PT
Ngày: 29 - 01 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Bà Tôn Thị Thanh Thuý.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 323/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 226/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 378/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trà Thị Bé H, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Võ Văn L, sinh năm 1984 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 813/1, ấp Số M, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của các bị đơn: Bà Trịnh Lệ Y, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 13, đường N, ấp A, thị trấn S, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1989; địa chỉ: Số nhà 105/17, khu phố B, Bình D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

3. Bà Mạch Thị Thùy Â, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 328/2, khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2022, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trà Thị Bé H trình bày:

Bà là hụi viên và có tham gia các dây hụi do bà Nguyễn Thị T làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi 1: Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 10/11/2017 (âm lịch), có 17 phần, bà tham gia 03 phần, tên trong giấy hụi là "Dì 5", bà đóng hụi đến lần cuối cùng với số tiền là 30.000.000 đồng, hụi này đã kết thúc nhưng bà T chỉ giao cho bà số tiền 22.000.000 đồng. Nên dây hụi này bà T còn thiếu bà số tiền là 8.000.000 đồng.

Dây hụi 2: Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 10/11/2017 (âm lịch), có 15 phần, bà tham gia 02 phần, tên trong giấy hụi là "Dì 5", bà đóng hụi được 06 lần với số tiền là 06 lần x 02 phần x 2.000.000 đồng = 24.000.000 đồng, hụi này đã mãn nhưng bà T lại không trả tiền hụi cho bà. Nên dây hụi này bà T còn thiếu bà số tiền là 24.000.000 đồng.

Dây hụi 3: Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 10/01/2018 (âm lịch), có 13 phần, bà tham gia 02 phần, tên trong giấy hụi là "Dì 5", bà đóng hụi được 04 lần với số tiền là 04 lần x 02 phần x 2.000.000 đồng = 16.000.000 đồng, hụi này đã mãn nhưng bà T lại không trả tiền hụi cho bà. Nên dây hụi này bà T còn thiếu bà số tiền là 16.000.000 đồng.

Đến ngày 10/02/2018, bà T đề nghị bán 02 phần hụi chót (hụi cuối) lại và bà đồng ý mua với số tiền 01 phần là 30.000.000 đồng, cộng 02 phần là 60.000.000 đồng của dây hụi khui ngày 10/11/2017 (có 17 phần). Đến 10/3/2018, bà T kêu bà mua thêm 01 phần hụi 13 phần, bà đồng ý mua thêm với số tiền là 26.000.000 đồng. Đến ngày 18/4/2018, bà T bỏ đi khỏi địa phương. Tổng số tiền mà bà T còn chưa trả cho bà là 134.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết: Buộc ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả lại cho bà tổng số tiền hụi còn thiếu là 134.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Võ Văn L trình bày:

Ông và bà T có đăng ký kết hôn, thời điểm bà T tham gia hụi với bà H thì ông bà còn sống chung, con chung đến nay được 12 tuổi. Các bên tham gia hụi khi còn

cùng làm ở thành phố. Khi đó, ông có nhận tiền của bà H 02 lần rồi giao lại cho bà T nhưng ông không biết tiền gì. Kinh tế gia đình do ông lo, còn bà T thì làm kinh tế riêng, không liên quan đến ông. Sau này ông mới biết bà T có nợ nần gì với bà H. Ông không có ký bất kỳ giấy tờ hụi nào với bà H nên ông không đồng ý cùng liên đới chịu trách nhiệm với bà T.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, bà T không tham gia tố tụng nên Tòa án không thu thập được ý kiến và yêu cầu của bà T.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 226/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ các Điều 288, 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ các Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); căn cứ Điều 18, Điều 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Trà Thị Bé H số tiền nợ hụi là 134.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Trà Thị Bé H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng các bị đơn ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị T còn phải có trách nhiệm liên đới trả lãi cho bà Trà Thị Bé H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2023, bị đơn ông L có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 226/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách và được Tòa án nhân dân huyện Kế Sách nhận cùng ngày. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông có nghĩa vụ liên đới cùng bà T trả cho bà H số tiền 134.000.000 đồng, vì bà T làm chủ hụi để lấy thu nhập riêng cho cá nhân, không phải lo kinh tế cho gia đình.

Ngày 16/10/2023, bị đơn bà T có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 226/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách và được Tòa án nhân dân huyện Kế Sách nhận cùng ngày. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc ông L có nghĩa vụ liên đới cùng bà trả nợ cho bà H

và bác yêu cầu khởi kiện của bà H với số tiền 122.000.000 đồng, bà có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền hụi còn thiếu là 12.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà H không rút đơn khởi kiện và cho rằng dây hụi 1 trong đơn khởi kiện bà ghi nhầm, đúng là dây hụi ngày 10/8/2016 (âm lịch), có 17 phần, bà không có danh sách dây hụi này để nộp vì bà T không có đưa cho hụi viên danh sách hụi; còn đối với 02 danh sách hụi bà nộp là dây hụi 2 trong đơn khởi kiện, khui cùng ngày 10/11/2017 (âm lịch), có 15 phần, 02 dây này bà tham gia 02 phần và đóng được 06 lần thì ngưng do hụi bể; dây hụi 3 trong đơn khởi kiện bà không có danh sách dây hụi này để nộp vì bà T không có đưa cho hụi viên danh sách hụi; bà mua 02 phần hụi của bà T số tiền 60.000.000 đồng là dây hụi ngày 10/8/2016 (âm lịch) và mua 01 phần hụi của dây hụi 3 với số tiền 26.000.000 đồng, việc mua hụi không có làm giấy tờ, giao tiền cũng không có làm biên nhận; bà có trao đổi với những người làm chứng họ không tham dự phiên toà được, vì họ đang làm cho công ty; bà không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông L và bà T. Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn là bà Y không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng: (1) Việc bà T làm chủ hụi để lấy thu nhập riêng cho cá nhân bà, không phải lo kinh tế gia đình. (2) Dây hụi 1, bà T không có mở nên không có thiếu bà H số tiền 8.000.000 đồng và dây hụi 2, bà T có mở ngày 10/11/2017 dương lịch, trong danh sách hụi ghi "Dì 5" (dây 1 và dây 2 trong danh sách hụi cùng ngày), 02 dây này bà H tham gia 02 phần, dây hụi này bà H đóng được 06 lần x 2.000.000 đồng/lần, nên bà T còn thiếu bà H số tiền 24.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà H số tiền này. (3) Dây hụi 3, bà T không có mở nên không có nợ bà H số tiền 16.000.000 đồng. (4) Quá trình làm chủ hụi bà T không có mua hụi hoặc bán hụi cho ai, nên bà H cho rằng bà T bán cho bà 03 phần hụi với số tiền 86.000.000 đồng là không có căn cứ. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L và bà T; đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền hụi còn thiếu là 24.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn ông Võ Văn L vắng mặt, nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên toà; bà Nguyễn Thị T có mặt, nhưng tiếp tục uỷ quyền cho người đại diện hợp pháp tham gia phiên toà; người làm chứng bà Nguyễn Thị Ngọc C, bà Nguyễn Thị Mỹ N, bà Mạch Thị Thùy Â đều vắng mặt không rõ lý

do; nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của ông L và bà T là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Tại Đơn kháng cáo và Bản tự khai cùng ngày 16/10/2023, bà T xác định bà có làm chủ hụi và trong danh sách hụi ghi "Dì 5" là bà H là hụi viên. Do đó, giữa bà T với bà H có xác lập mối quan hệ giao dịch tổ chức hụi và tham gia hụi trên thực tế. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn bà T về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc ông L có nghĩa vụ liên đới cùng bà trả nợ cho bà H và bác yêu cầu khởi kiện của bà H với số tiền 110.000.000 đồng, bà có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền hụi còn thiếu là 24.000.000 đồng. Xét thấy:

[4.1] Khi kháng cáo bà T cho rằng: Việc bà làm chủ hụi để lấy thu nhập riêng cho cá nhân bà, không phải lo kinh tế gia đình. Thấy rằng, quá trình tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm ông L xác định ông và Thơi có đăng ký kết hôn, thời điểm bà T làm chủ hụi thì ông bà còn sống chung, con chung đến nay được 12 tuổi. Các bên tham gia hụi khi còn cùng làm ở thành phố, khi đó ông có nhận tiền của bà H 02 lần rồi đưa cho bà T. Do đó, việc bà T tham gia hụi là nhằm mục đích làm ăn lo cho kinh tế gia đình. Mặc dù, bà T cho rằng việc bà làm chủ hụi để lấy thu nhập riêng cho cá nhân bà, không phải lo kinh tế gia đình, nhưng bà và ông L không ai cung cấp được văn bản thỏa thuận việc làm ăn kinh tế riêng giữa vợ và chồng, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông L có nghĩa vụ liên đới cùng bà trả tiền hụi cho bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại 27 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Khi kháng cáo và tại phiên toà bà T cho rằng: Dây hụi 2, bà T có mở ngày 10/11/2017 dương lịch, trong danh sách hụi ghi "Dì 5" (dây 1 và dây 2 trong danh sách hụi cùng ngày), 02 dây này bà H tham gia 02 phần, dây hụi này bà H đóng được 06 lần x 2.000.000 đồng/lần, nên bà T còn thiếu bà H số tiền 24.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà H số tiền này, phù hợp với yêu cầu khởi kiện của bà H, nên HĐXX ghi nhận.

[4.3] Khi kháng cáo bà T cho rằng: Dây hụi 1 và dây hụi 3 trong đơn khởi kiện bà T không có mở, nên dây hụi 1 không có thiếu bà H số tiền 8.000.000 đồng và dây hụi 3 không có thiếu bà H 16.000.000 đồng. Thấy rằng, quá trình tham gia tố tụng cho đến thời điểm mở phiên tòa phúc thẩm bà H không cung cấp được danh sách hụi dây 1 mở ngày 10/8/2016 (âm lịch) và dây hụi 3 mở ngày 10/01/2018 (âm lịch) và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà có tham gia 02 dây hụi này do bà T làm chủ hụi và bà T còn thiếu bà 02 dây hụi này số tiền 24.000.000 đồng, nên kháng cáo này của bà T là có căn cứ chấp nhận.

[4.4] Khi kháng cáo bà T cho rằng: Quá trình làm chủ hụi bà không có mua hụi hoặc bán hụi cho ai, nên bà H cho rằng bà T bán cho bà 03 phần hụi với số tiền

86.000.000 đồng là không có căn cứ. Thấy rằng, quá trình tham gia tố tụng cho đến thời điểm mở phiên tòa phúc thẩm bà H cũng không cung cấp được văn bản thỏa thuận việc bà H có mua 03 phần hụi do bà T làm chủ với tổng số tiền là 86.000.000 đồng và cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh có giao tiền mua hụi cho bà T, nên kháng cáo này của bà T là có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của ông L về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông có nghĩa vụ liên đới cùng bà T trả cho bà H số tiền 134.000.000 đồng, vì bà T làm chủ hụi để lấy thu nhập riêng cho cá nhân, không phải lo kinh tế cho gia đình. Xét thấy, như nhận định tại mục [4.1] và [4.3] nêu trên xác định ông L là người có nghĩa vụ liên đới với bà T trả cho bà H số tiền hụi còn thiếu là 24.000.000 đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 134.000.000 đồng là chưa chính xác, nên kháng cáo của ông L là có căn cứ chấp nhận một phần.

[6] Từ những nhận định tại mục [4] và [5] nêu trên, thấy rằng kháng cáo của ông L và bà T là có cơ sở chấp nhận một phần, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền 110.000.000 đồng và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông L và bà T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hụi còn thiếu là 24.000.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm, nên án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể như sau: Do yêu cầu khởi kiện của bà H không được chấp nhận một phần đối với số tiền 110.000.000 đồng, nên bà H phải chịu án phí số tiền 5.500.000 đồng. Do ông L và bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 24.000.000 đồng, nên ông L và bà T cùng liên đới chịu án phí số tiền 1.200.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án dân sự sơ thẩm bị sửa có liên quan đến yêu cầu kháng cáo của ông L và bà T, nên ông L và bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hoàn trả lại cho ông L và bà T tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 300.000 đồng.

[9] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L và bà T; đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền hụi còn thiếu là 24.000.000 đồng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các bị đơn ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị T.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 226/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023, về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Án tuyên như sau:

2.1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trà Thị Bé H về việc yêu cầu ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả tiền hụi còn thiếu là 110.000.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).

2.2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trà Thị Bé H. Buộc ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị T cung có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trà Thị Bé H số tiền hụi còn thiếu là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

2.3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng các bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trà Thị Bé H phải chịu 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.350.000 đồng (Ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0006268 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách; như vậy, bà Trà Thị Bé H còn phải nộp thêm số tiền 2.150.000 đồng (Hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị T cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị T mỗi người số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0010693 ngày 10/10/2023 và số 0011741 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn